

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HS-ST
Ngày 14 - 5 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Bà Vũ Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 196/2024/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2024/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Minh C, sinh ngày 08/5/1992; nơi đăng ký HKTT: Thôn Ngọc Sơn, xã Nhạo Sơn (nay là thị trấn Tam Sơn), huyện SL, tỉnh VP; nơi ở hiện nay: Ngõ 13, đường Mê Linh, phường LB, thành phố VY, tỉnh VP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Th1 và bà Phan Thị Th2; có chồng là Đỗ Văn L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: Đỗ Văn L, sinh ngày 10/01/1991; nơi đăng ký HKTT: Xã VT, huyện VT, tỉnh VP; nơi ở hiện nay: phường LB, thành phố VY, tỉnh VP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L1 và bà Lê Thị E; có vợ là Lê Minh C và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2024 đến ngày 04/11/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại.

3. Họ và tên: Bùi Minh Th, sinh ngày 10/9/1985; tại xã TL, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: xã TL, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; đảng, đoàn

thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn TH, Đảng bộ xã TL, huyện YL (Đã có Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 18/10/2024); giới tính: Nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Bùi Minh Th3 và bà Bùi Thị V; có vợ là Đào Thị Th4 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2024 đến ngày 04/11/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại.

4. Họ và tên: **Lê Hồng Q**, sinh ngày 14/5/1992; tại xã NS, huyện SL, tỉnh VP; nơi cư trú: xã NS, huyện SL, tỉnh VP; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Văn H1 và bà La Thị T; có vợ là Trần Thị Y và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Bạch Thị Thu H2, sinh năm 1989, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường ĐT, thành phố VY, tỉnh VP.

+ Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1996, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường LB, thành phố VY, tỉnh VP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 05/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên tiếp nhận đơn trình báo của anh Phan Thanh Tịnh, sinh năm 1983, trú tại Thôn Bắc 2, xã Hoàng Đan, huyện Tam Dương, tố giác Bùi Minh Th, sinh năm 1985, trú tại thôn Trung Hậu, xã TL, huyện YL; Lê Minh C, sinh năm 1992, trú tại xã NS, huyện SL, tỉnh VP cùng chồng là Đỗ Văn L, sinh năm 1991, trú tại xã VT, huyện VT có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Ngày 06/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Vĩnh Yên đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Minh C và Đỗ Văn L tại ngõ 13, đường Mê Linh, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, phát hiện và thu giữ: 01 Giấy vay tiền đề ngày 12/7/2024 tên người vay Nguyễn Văn H3; 01 Hợp đồng mua bán xe máy – ô tô – mô tô được soạn sẵn, ký bên A tên Bạch Thị Thu H2; 01 giấy thuê xe ô tô 05 chỗ đề ngày 26/4/2024, chữ ký bên thuê xe Bạch Thị Thu H2; khám xét xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra, BKS: 88A-712.20 của Đỗ Văn L không phát hiện, thu giữ gì. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Vĩnh Yên đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Minh Th tại quán cà phê Thu Th tại phường ĐT, thành phố VY, phát hiện, thu giữ: 01 cuốn sổ ngoài bìa kí hiệu Notebook busines; 01 giấy vay tiền người vay Bạch Thị Thu H2; khám xét nơi ở của Bùi Minh Th tại xã TL, huyện YL không phát

hiện, thu giữ gì; khám xét xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10, màu trắng, BKS: 88A-391.14 của Th, tạm giữ: 01 căn cước công dân mang tên Bùi Minh Th, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20 Ultra, màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0912.460.466. Cùng ngày, Lê Minh C tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 15 Promax, đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0987.342.238; Đỗ Văn L tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 12 Promax, màu xanh, đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0942.321.568; Lê Hồng Q tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax màu xám, đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0389.365.668.

* Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng:

Căn cứ lời khai của C, L, Th và Q cùng lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã thu giữ, Cơ quan điều tra có Công văn yêu cầu các Ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng, sao kê giao dịch từ tài khoản của Lê Minh C, Đỗ Văn L, Bùi Minh Th, Lê Hồng Q và chị Bạch Thị Thu H2, xác định quá trình thực hiện hành vi vi phạm, các bị cáo sử dụng các số tài khoản như sau để liên hệ, chuyển và nhận tiền khách vay cụ thể: Lê Minh C sử dụng tài khoản số 19036035705010 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) và tài khoản số 0361000351910 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Đỗ Văn L sử dụng tài khoản số 3451991888888 tại Ngân hàng TMCP Q đội (MB bank) và tài khoản số 3255388888 tại Ngân hàng Teccombank, Lê Hồng Q sử dụng tài khoản số 19034331233016 tại Ngân hàng Techcombank, Bùi Minh Th sử dụng tài khoản số 13302237 tại Ngân hàng TMCP Á C (ACB) và tài khoản số 0912460466 tại Ngân hàng MB bank).

* Kết quả giám định điện thoại:

- Ngày 18/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định số: 2867, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 354506125500619, 354506125617827, lắp kèm thẻ sim có in hàng số 8984020001114492395, đã cũ, đã qua sử dụng tạm giữ của Đỗ Văn L. Tại Kết luận giám định số: 3223 ngày 11/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật gửi giám định. Tài khoản ID Apple là doLvtyp@gmail.com. Thẻ sim in hàng số 84942321568. 01 ảnh màn hình điện thoại là thông tin tài khoản ứng dụng Zalo đăng nhập trên mẫu vật gửi giám định. Trong thời gian từ ngày 01/4/2024 đến ngày 06/9/2024 có 121 tin nhắn ứng dụng Zalo với tài khoản lưu tên “A Th ĐG”; 594 tin nhắn ứng dụng Zalo với tài khoản zalo lưu tên “Chú Q C”; 4743 tin nhắn ứng dụng Zalo với tài khoản Zalo lưu tên “Mẹ Bơ”. Trong thời gian từ 01/4/2024 đến ngày 06/9/2024 có 1014 cuộc gọi và 9140 tin nhắn SMS.

- Ngày 18/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định số: 2868, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20 Ultra, số IMEI: 352682504850780, 359646204850181, lắp kèm 02 thẻ sim in hàng số lần lượt là 89840200010525849840, 8984048000930699756, đã cũ, đã qua sử dụng tạm giữ của Bùi Minh Th. Tại Kết luận giám định số: 3224 ngày 11/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật gửi giám định. Thẻ sim in hàng số 898402000105258489840 có số thuê bao là +84912460466; thẻ sim in hàng số 8984048000930699756 có số thuê bao là +84362189214. 01 ảnh màn hình điện thoại là thông tin tài khoản ứng dụng Zalo đăng nhập trên mẫu vật gửi giám định. Trong thời gian từ ngày 01/4/2024 đến ngày 06/9/2024 có 2035 tin nhắn ứng dụng Zalo với tài khoản lưu tên “E hường ngân hàng bạn C”, 3093 tin nhắn ứng dụng Zalo tên Th – Hường – C. Trong thời gian từ 01/4/2024 đến ngày 06/9/2024 có 50 cuộc gọi, 02 tin nhắn SMS với số điện thoại 0963091315 được lưu tên “E Hường ngân hàng BIDV” và 49 cuộc gọi với số điện thoại 0987342238 được lưu tên “Bds E C L”. Không có tin nhắn SMS với số điện thoại 0987342238 được lưu tên “Bds E C L”. Không xác định được hình ảnh có nội dung liên quan việc chuyển tiền thành công qua ứng dụng smartBanking được lưu tại mục “photo” trong điện thoại gửi giám định.

- Ngày 18/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định số: 2869, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 358759854387643, 358759854646709, lắp kèm thẻ sim có in hàng số 8984048000913005568, đã cũ, đã qua sử dụng tạm giữ của Lê Hồng Q. Tại Kết luận giám định số: 3225 ngày 11/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật gửi giám định. Tài khoản ID Apple là lequan14592@icloud.com. Thẻ sim in hàng số 8984048000913005568 có số thuê bao là +84389365668. 01 ảnh màn hình điện thoại là thông tin tài khoản ứng dụng Zalo đăng nhập trên mẫu vật gửi giám định. Trong thời gian từ 01/4/2024 đến ngày 06/9/2024 có 610 tin nhắn ứng dụng Zalo với tài khoản Zalo lưu tên “L C”. Không tìm thấy tin nhắn ứng dụng Zalo với tài khoản Zalo lưu tên “C L”. Trong thời gian từ ngày 01/4/2024 đến ngày 06/9/2024 có 739 cuộc gọi, 984 tin nhắn SMS. Toàn bộ dữ liệu nêu trên được nén và sao lưu vào đĩa DVD.

- Ngày 18/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định số: 2870, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 356303482743943, 0356303486480245, lắp kèm thẻ sim có in hàng số 8984048000310724325, đã cũ, đã qua sử dụng tạm giữ của Lê Minh C. Tại Kết

luận giám định số: 3226 ngày 11/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật gửi giám định. Qua phân tích, tìm kiếm dữ liệu theo yêu cầu giám định, thu được kết quả: Tài khoản ID Apple leminhchau.851992@gmail.com. Thẻ sim in hàng số 8984048000310724325 có số thuê bao là +84987342238. 01 ảnh màn hình điện thoại là thông tin tài khoản ứng dụng Zalo đăng nhập trên mẫu vật gửi giám định. Trong thời gian từ ngày 01/4/2024 đến ngày 06/9/2024 có 2133 tin nhắn ứng dụng Zalo với tài khoản Zalo lưu tên “Hường Bank”; 11906 tin nhắn ứng dụng Zalo với tài khoản Zalo lưu tên “Chú Q”; 4073 tin nhắn ứng dụng Zalo với tài khoản Zalo lưu tên “Anh”. Trong thời gian từ 01/4/2024 đến ngày 06/9/2024 có 46 cuộc gọi, 31 tin nhắn SMS với số điện thoại 0963091315 lưu tên “Hường Bank”; 11 cuộc gọi, không có tin nhắn SMS với số điện thoại 0389365668 lưu tên “Chú Q”; 21 cuộc gọi, không có tin nhắn SMS với số điện thoại 0942322568 lưu tên “Anh”.

Quá trình điều tra xác định:

Vì ham lợi nhuận nên Lê Minh C cùng chồng là Đỗ Văn L đã cho các cá nhân vay tiền với lãi suất cao thông qua hình thức tính lãi ngày. Số tiền gốc, lãi thu được của các cá nhân đều được trả cho C, L bằng tiền mặt hoặc qua hình thức chuyển khoản. Khi cho vay, C và L quy định mức lãi suất từ 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày đến 13.333đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 182,5% đến 486,65%/năm. Ngoài ra, để có thêm nguồn tiền cho vay, C và L còn huy động vốn từ Lê Hồng Q, sinh năm 1992, trú tại thôn Hoa Cao, xã Nhạo Sơn, huyện Sông Lô, hai bên thống nhất Q sẽ được hưởng tiền lãi từ C, L chi trả với mức 4.000đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 146%/năm. Ngoài việc trực tiếp cho vay, C còn giới thiệu khách có nhu cầu vay tiền cho Bùi Minh Th, sau đó Th trực tiếp cho vay với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Ngoài ra, C, L và Th thường xuyên liên hệ, hỗ trợ nhau trong việc huy động tiền gốc, thu nợ, gán, chuyển các khoản nợ cho nhau để thuận lợi trong việc thu tiền lãi. Hành vi phạm tội của các đối tượng cụ thể như sau:

1. Hành vi của Lê Minh C và Đỗ Văn L:

* Từ ngày 19/4/2024 đến ngày 28/8/2024, Lê Minh C và Đỗ Văn L cho chị Bạch Thị Thu H2 vay tiền với lãi suất cao và thu lợi bất chính, cụ thể:

- **Lần 1:** Ngày 19/4/2024, C và L cho chị H2 vay 150.000.000đồng, lãi suất 13.333đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 23/4/2024, chị H2 đã thanh toán cho C và L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 05 ngày (từ ngày 19/4/2024 đến ngày 23/4/2024) = 10.000.000đồng.

- **Lần 2:** Ngày 23/4/2024, C và L cho chị H2 vay 400.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 26/4/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 04 ngày (từ ngày 23/4/2024 đến ngày 26/4/2024) = 16.000.000đồng.

- **Lần 3:** Ngày 26/4/2024, C và L cho chị H2 vay 400.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 4.000.000đồng.

Ngoài ra, cùng ngày, C còn giới thiệu cho chị H2 vay của Th số tiền 1.100.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, đồng thời L, C đã giúp Th thu tiền lãi từ chị H2 là 11.000.000đồng rồi chuyển lại cho Th. Đối với khoản vay này, L, C được hưởng 1.000.000đồng từ chị H2 là tiền công do đã giới thiệu chị H2 vay tiền của Th.

- **Lần 4:** Ngày 26/4/2024, C và L cho chị H2 vay 300.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, chị H2 thanh toán trước cho C, L tiền lãi 10 ngày (từ ngày 26/4/2024 đến ngày 05/5/2024) = 30.000.000đồng. Đến ngày 06/5/2024, chị H2 đã thanh toán toàn bộ tiền gốc cho C, L.

Ngoài ra, cùng ngày, C còn môi giới để Th cho chị H2 vay 300.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, số tiền này do Th chuyển trực tiếp vào tài khoản của chị H2. Sau đó, chị H2 đã thanh toán toàn bộ gốc và tiền lãi 10 ngày (từ ngày 26/4/2024 đến ngày 05/5/2024) = 30.000.000đồng cho C, L để C, L trả cho Th.

- **Lần 5:** Ngày 22/5/2024, C và L cho chị H2 vay 500.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 5.000.000đồng.

- **Lần 6:** Ngày 27/5/2024, C và L cho chị H2 vay 70.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 28/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 700.000đồng.

- **Lần 7:** Ngày 30/5/2024, C và L cho chị H2 vay 250.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 12/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 14 ngày = 35.000.000đồng.

- **Lần 08:** Ngày 01/6/2024, C và L cho chị H2 vay 50.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 02/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 500.000đồng.

- **Lần 09:** Ngày 07/6/2024, C và L cho chị H2 vay 500.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 10/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 04 ngày (từ ngày 07/6/2024 đến ngày 10/6/2024) = 20.000.000đồng.

- **Lần 10:** Ngày 11/6/2024, C và L cho chị H2 vay 15.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 12/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 150.000đồng.

- **Lần 11:** Ngày 13/6/2024, C và L cho chị H2 vay 800.000.000đồng, lãi suất 12.500đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 10.000.000đồng. Đối với số tiền lãi trên, chị H2 chuyển

đến số tài khoản 261199999999 tại Ngân hàng MB mang tên Nguyễn Văn Ngọc theo yêu cầu của C.

- **Lần 12:** Ngày 06/5/2024, C và L cho chị H2 vay 600.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 22/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L tiền lãi 20 ngày (từ ngày 06/5/2024 đến ngày 25/5/2024) = 120.000.000đồng, trong đó 90.000.000đồng chị H2 chuyển đến số tài khoản 261199999999 tại Ngân hàng MB mang tên Nguyễn Văn Ngọc theo yêu cầu của C. Chị H2 vẫn nợ gốc vay 600.000.000đồng.

- **Lần 13:** Ngày 22/5/2024, C và L cho chị H2 vay 220.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 23/5/2024, C và L cho chị H2 vay thêm 30.000.000đồng. Ngày 23/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho C và L 5.000.000đồng tiền lãi (gồm tiền lãi 01 ngày của khoản 220.000.000đồng và tiền lãi 02 ngày của khoản 250.000.000đồng), còn nợ lại 2.200.000đồng tiền lãi và 250.000.000đồng tiền gốc.

Như vậy, từ ngày 24/5/2024, tổng số tiền gốc chị H2 nợ C và L là 850.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày và nợ lãi là 2.200.000đồng. Đến ngày 27/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L 2.200.000đồng tiền lãi còn nợ và tiền lãi 03 ngày (từ ngày 25/5/2024 đến ngày 27/5/2024) của khoản vay 850.000.000đồng = 25.500.000đồng.

Ngày 29/5/2024, chị H2 trả cho C, L 400.000.000đồng tiền gốc, cùng ngày C và L cho chị H2 vay lại 400.000.000đồng.

Ngày 29/5/2024, chị H2 thanh toán cho C, L tiền lãi 02 ngày (từ ngày 28/5/2024 đến ngày 29/5/2024) = 17.000.000đồng, chị H2 chuyển vào số tài khoản 21620112006 tại Ngân hàng MB mang tên Nguyễn Lê Na và ghi nội dung chuyển tiền mua máy tính theo yêu cầu của C.

Ngày 30/5/2024, chị H2 trả cho C, L 100.000.000đồng tiền gốc. Ngày 31/5/2024, C và L cho chị H2 vay lại 100.000.000đồng.

Ngày 02/6/2024, chị H2 thanh toán cho C, L tiền lãi 01 ngày (ngày 30/5/2024) của khoản vay 850.000.000đồng = 8.500.000đồng.

Ngày 03/6/2024, chị H2 thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc vay 850.000.000đồng. Cùng ngày, C và L cho chị H2 vay lại 850.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 19/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L tiền lãi 20 ngày (từ ngày 31/5/2024 đến ngày 19/6/2024) = 170.000.000đồng. Chị H2 vẫn nợ gốc vay 850.000.000đồng.

- **Lần 14:** Ngày 10/6/2024, C và L cho chị H2 vay 300.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 14/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L tiền lãi 08 ngày (từ ngày 10/6/2024 đến ngày 17/6/2024) = 24.000.000đồng. Chị H2 vẫn nợ gốc vay 300.000.000đồng.

- **Lần 15:** Ngày 26/6/2024, C và L cho chị H2 vay 40.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 200.000đồng.

- **Lần 16:** Ngày 18/6/2024, C và L cho chị H2 vay 100.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho C, L tiền lãi 02 ngày (từ ngày 18/6/2024 đến ngày 19/6/2024) = 2.000.000đồng. Chị H2 vẫn nợ gốc vay 100.000.000đồng.

Đến ngày 19/6/2024, tổng số nợ gốc chị H2 còn vay của C và L là 1.250.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Trong đó, khoản vay 850.000.000đồng đã trả lãi đến hết ngày 18/6/2024, khoản vay 300.000.000đồng đã trả lãi hết ngày 17/6/2024, khoản vay 100.000.000đồng đã trả lãi đến hết ngày 19/6/2024.

Ngày 19/6/2024, chị H2 thanh toán cho C, L 500.000.000đồng tiền gốc vay, và 14.500.000đồng lãi, gồm: 8.500.000đồng tiền lãi ngày 19/6/2024 của khoản vay 850.000.000đồng và 6.000.000đồng tiền lãi 02 ngày (từ ngày 18/6/2024 đến ngày 19/6/2024) của khoản vay 300.000.000đồng. Chị H2 còn nợ gốc vay 750.000.000đồng.

Ngày 20/6/2024, C và L cho chị H2 vay thêm 250.000.000đồng. Tổng số nợ gốc chị H2 còn vay của C, L là 1.000.000.000đồng, hai bên thống nhất điều chỉnh mức lãi suất là 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngày 21/6/2024, C và L cho chị H2 vay thêm 250.000.000đồng. Tổng số nợ gốc chị H2 còn vay của C, L là 1.250.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngày 24/6/2024, chị H2 thanh toán cho C, L 42.000.000đồng tiền lãi, gồm 7.000.000đồng tiền lãi ngày 20/6/2024 của khoản vay 1.000.000.000đồng và 35.000.000đồng tiền lãi 04 ngày (từ ngày 21/6/2024 đến ngày 24/6/2024) của khoản vay 1.250.000.000đồng. Đối với số tiền lãi trên, chị H2 chuyển đến số tài khoản 261199999999 tại Ngân hàng MB mang tên Nguyễn Văn Ngọc theo yêu cầu của C.

Ngày 26/6/2024, chị H2 thanh toán cho C, L 500.000.000đồng tiền gốc. Cùng ngày, C, L cho chị H2 vay lại 500.000.000đồng.

Ngày 27/6/2024, chị H2 thanh toán cho C, L 435.000.000đồng tiền gốc vay. Cùng ngày, C và L cho chị H2 vay lại 470.000.000đồng, gồm 435.000.000đồng với lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày và 35.000.000đồng vay nóng (không lãi suất). Như vậy, tổng số nợ gốc chị H2 vay của C, L là 1.250.000.000đồng.

Đến ngày 28/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L 700.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi 04 ngày (từ ngày 25/6/2024 đến ngày 28/6/2024) = 35.000.000đồng. Chị H2 còn nợ gốc vay 550.000.000đồng.

- **Lần 17:** Ngày 29/6/2024, C và L cho chị H2 vay thêm 100.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 29/6/2024, tổng số nợ gốc chị H2 vay C, L là 650.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngày 01/7/2024 và ngày 02/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L tiền lãi 03 ngày (từ ngày 29/6/2024 đến ngày 01/7/2024) = 13.650.000đồng.

Ngày 02/7/2024, C và L cho chị H2 vay thêm 50.000.000đồng. Đến ngày 02/7/2024, tổng số nợ gốc chị H2 vay C, L là 700.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngày 05/7/2024, chị H2 thanh toán cho C, L tiền lãi 04 ngày (từ ngày 02/7/2024 đến ngày 05/7/2024) = 19.600.000đồng.

Ngày 05/7/2024, C và L cho chị H2 vay thêm 250.000.000đồng, tổng số nợ gốc chị H2 vay C, L là 950.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngày 12/7/2024, chị H2 thanh toán cho C, L 100.000.000đồng tiền gốc. Đến ngày 13/7/2024, tổng số nợ gốc chị H2 vay C, L là 850.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngày 20/7/2024, chị H2 thanh toán cho C, L 50.000.000đồng tiền gốc. Cùng ngày, chị H2, C và Th thống nhất gán 500.000.000đồng tiền gốc vay chị H2 nợ C, L sang cho Th. Đến ngày 20/7/2024, tổng số nợ gốc chị H2 vay C, L là 300.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngày 22/7/2024, C và L cho chị H2 vay 210.000.000đồng. Cùng ngày, chị H2 thanh toán cho C, L 110.000.000đồng tiền gốc. Ngày 23/7/2024, chị H2 thanh toán cho C, L 50.000.000đồng tiền gốc. Đến ngày 23/7/2024, tổng số tiền gốc chị H2 nợ C, L là 350.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Từ ngày 08/7/2024 đến ngày 28/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L tổng số tiền lãi của các khoản vay trên là 116.000.000đồng, còn nợ 4.050.000đồng tiền lãi và 350.000.000đồng tiền gốc.

- **Lần 18:** Ngày 11/7/2024, C và L cho chị H2 vay 60.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 12/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 02 ngày = 1.200.000đồng.

- **Lần 19:** Ngày 17/7/2024, C và L cho chị H2 vay 500.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 18/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 02 ngày = 10.000.000đồng.

- **Lần 20:** Ngày 26/7/2024, C và L cho chị H2 vay 50.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho C, L toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 500.000đồng.

- **Lần 21:** Ngày 26/7/2024, C và L cho chị H2 vay 150.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho C, L tiền lãi 04 ngày (từ ngày 26/7/2024 đến ngày 29/7/2024) = 6.000.000đồng, nợ gốc 150.000.000đồng.

Đến ngày 29/7/2024, tổng số tiền gốc chị H2 nợ C, L là 500.000.000đồng, nợ lãi là 7.550.000đồng.

Ngày 30/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L 500.000.000đồng tiền nợ gốc và 11.700.000đồng tiền lãi. Chị H2 và C thống nhất từ ngày 30/7/2024, chị H2 còn nợ C 5.150.000đồng tiền lãi.

- **Lần 22:** Ngày 31/7/2024, C và L cho chị H2 vay 320.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 01/8/2024, C và L cho chị H2 vay thêm 100.000.000đồng, cùng với lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 thanh toán cho C, L 65.000.000đồng tiền gốc.

Đến ngày 01/8/2024, tổng số tiền gốc chị H2 nợ C, L là 355.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Tính đến hết 12/8/2024, chị H2 phải trả C, L số tiền lãi là 50.000.000đồng (gồm 6.400.000đồng tiền lãi 02 ngày của khoản vay 320.000.000đồng; 42.600.000đồng tiền lãi 12 ngày của khoản vay 355.000.000đồng; 1.000.000đồng tiền lãi 01 ngày của khoản vay 100.000.000đồng). Ngày 12/8/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L 20.000.000đồng tiền lãi, còn nợ 30.000.000đồng tiền lãi và 355.000.000đồng tiền gốc. Chị H2 và C thống nhất tính tổng số tiền gốc chị H2 còn nợ là 385.000.000đồng.

Tính từ ngày 13/8/2024, Chị H2 nợ C 385.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày và 5.150.000đồng tiền lãi cũ của khoản vay lần thứ 22.

Ngày 22/8/2024, chị H2, Th và C thống nhất chuyển 250.000.000đồng trong tổng số tiền chị H2 nợ Th sang thành chị H2 nợ C. Như vậy, chị H2 nợ C, L 635.000.000đồng tiền gốc và 46.150.000 tiền lãi (gồm 5.150.000đồng nợ lãi cũ; 38.500.000đồng tiền lãi 10 ngày của khoản vay 385.000.000đồng; 2.500.000đồng tiền lãi 01 ngày của khoản vay 250.000.000đồng). C và chị H2 thống nhất cộng tiền lãi vào tiền gốc nên tính từ ngày 22/8/2024, chị H2 nợ C, L 681.150.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngày 26/8/2024, C và L cho chị H2 vay thêm 218.000.000đồng. Từ ngày 26/8/2024, chị H2 nợ C, L 899.150.000đồng tiền gốc và 34.057.500đồng tiền lãi (tiền lãi 05 ngày của khoản vay 681.150.000đồng).

Chị H2 và C thống nhất tính lại từ ngày 27/8/2024, Chị H2 nợ C 930.000.000đồng tiền gốc, lãi suất là 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Đến ngày 01/9/2024, chị H2 đã thanh toán cho C, L tiền lãi 08 ngày (từ ngày 27/8/2024 đến ngày 03/9/2024) = 74.400.000đồng, trong đó 32.800.000đồng chị H2 chuyển đến số tài khoản 261199999999 tại Ngân hàng MB mang tên Nguyễn Văn Ngọc theo yêu cầu của C. Sau đó, chị H2 không thanh toán cho C, L khoản gốc, lãi nào nữa. Hiện chị H2 còn nợ C, L 930.000.000đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền C và L cho chị H2 vay là 7.483.000.000đồng, lãi suất từ 6.000đồng đến 13.333đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 219% đến 486,6%/năm. Số tiền lãi C, L đã thu của chị H2 là 972.007.500đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 57.710.000đồng; số tiền C, L thu lợi bất chính là 914.297.500đồng. Hiện chị H2 còn nợ C, L 930.000.000đồng tiền gốc vay.

Ngoài ra, C còn giới thiệu để Th cho chị H2 vay tiền 02 lần với lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, tổng số tiền cho vay là 1.400.000.000đồng, L và C đã hỗ trợ Th thu tiền lãi của 02 khoản vay này là 41.000.000đồng, giúp Th thu

lợi bất chính 40.232.876đồng. Ngoài ra C, L còn được hưởng 1.000.000đồng tiền công từ chị H2 do giới thiệu đến vay tiền của Th.

* Ngày 12/7/2024, C và L cho anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1996, trú tại: Tổ dân phố Bảo Sơn, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên vay 20.000.000đồng, lãi suất 4.100đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 149,65%/năm. Đến ngày Cơ quan điều tra phát hiện (ngày 06/9/2024), anh H3 vay được 57 ngày và đã trả cho C, L tiền lãi của 60 ngày = 5.000.000đồng. Hiện anh H3 vẫn nợ C, L tiền gốc vay 20.000.000đồng. Số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 668.493đồng; số tiền C, L thu lợi bất chính là 4.331.507đồng.

Ngoài ra, C còn giới thiệu để Bùi Minh Th cho chị H2 vay tiền với lãi suất cao và cùng L giúp sức Th thu nợ gốc, lãi, cụ thể: Ngày 26/4/2024, C giới thiệu cho chị H2 vay của Th số tiền 1.100.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, đồng thời L, C đã giúp Th thu tiền lãi từ chị H2 là 11.000.000đồng rồi chuyển lại cho Th. Đối với khoản vay này, C, L được hưởng 1.000.000đồng từ chị H2 là tiền công do đã giới thiệu chị H2 vay tiền của Th. Cùng ngày, C tiếp tục mời giới thiệu để Th cho chị H2 vay 300.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, số tiền này do Th chuyển trực tiếp vào tài khoản của chị H2. Sau đó, chị H2 đã thanh toán toàn bộ gốc và 30.000.000đồng tiền lãi cho C, L để C, L trả cho Th. Như vậy, L và C đã hỗ trợ Th thu tiền lãi của 02 khoản vay này là 41.000.000đồng, giúp Th thu lợi bất chính 40.232.876đồng. Đồng thời, C, L còn được hưởng 1.000.000đồng tiền công từ chị H2 do giới thiệu đến vay tiền của Th.

2. Hành vi của Lê Hồng Q:

Quá trình cho chị Bạch Thị Thu H2 vay lãi tiền với lãi suất cao như trên, C và L liên hệ Lê Hồng Q để huy động thêm tiền cho vay, hai bên thỏa thuận mức lãi suất Q được hưởng là 4.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Sau đó, Q đã góp vốn để L, C cho chị H2 vay tiền với lãi suất cao và thu lợi bất chính, cụ thể:

- **Lần 1:** Ngày 26/4/2024, Q chuyển số tiền 250.000.000đồng từ tài khoản số 123686868686 tại ngân hàng Techcombank của Q đến tài khoản số 19036035705010 tại ngân hàng Techcombank của C. Sau đó, L, C trả tiền lãi cho Q theo định kỳ khoảng 05 ngày/lần. Đến ngày 12/6/2024, L, C đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 46.000.000đồng.

- **Lần 2:** Ngày 12/6/2024, Q chuyển số tiền 100.000.000đồng từ tài khoản số 123686868686 tại ngân hàng Techcombank của Q đến tài khoản số 3255388888 tại ngân hàng MBbank của L. Sau đó, theo định kỳ 05 ngày/lần, L, C trả tiền lãi cho cho Q. Từ ngày 12/6/2024 đến ngày 26/7/2024, L, C đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 61.600.000đồng.

- **Lần 3:** Ngày 26/7/2024, Q chuyển số tiền 150.000.000đồng từ tài khoản số 123686868686 tại ngân hàng Techcombank của Q đến tài khoản số

19036035705010 tại ngân hàng Techcombank của C. Sau đó, theo định kỳ 05 ngày/lần, L, C trả tiền lãi cho Q. Từ ngày 26/7/2024 đến ngày 26/8/2024, L, C đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 60.000.000đồng.

Từ ngày 24/6/2024 đến ngày 26/8/2024, Q đã chuyển cho C, L tổng số tiền là 500.000.000đồng, thu được 167.600.000đồng tiền lãi; trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 22.958.904đồng; số tiền Q thu lợi bất chính là 144.641.096đồng. Hiện L, C chưa trả tiền gốc cho Q là 500.000.000đồng.

3. Hành vi của Bùi Minh Th:

Từ tháng 4/2024 đến tháng 9/2024, Th cho chị Bạch Thị Thu H2 vay tiền nhiều lần với mức lãi suất cao và thu lợi bất chính, cụ thể:

- **Lần 1:** Ngày 26/4/2024, qua giới thiệu của C, Th cho chị H2 vay 1.100.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 chuyển trả toàn bộ tiền gốc vay trực tiếp cho Th và trả tiền lãi 01 ngày = 11.000.000đồng cho Th qua L, C.

- **Lần 2:** Tối cùng ngày, C tiếp tục giới thiệu Th cho chị H2 vay 300.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Chị H2 đã thanh toán toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 10 ngày = 30.000.000đồng cho Th qua L, C.

- **Lần 3:** Ngày 06/5/2024, Th cho chị H2 vay 200.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 2.000.000đồng.

- **Lần 4:** Ngày 07/5/2024, Th cho chị H2 vay 250.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 08/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 02 ngày = 5.000.000đồng.

- **Lần 5:** Ngày 08/5/2024, Th cho chị H2 vay 550.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 10/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 03 ngày = 16.500.000đồng.

- **Lần 6:** Ngày 13/5/2024, Th cho chị H2 vay 600.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 15/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 03 ngày = 12.600.000đồng.

- **Lần 7:** Ngày 14/5/2024, Th cho chị H2 vay 200.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 1.400.000đồng.

- **Lần 8:** Ngày 15/5/2024, Th cho chị H2 vay 600.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Chị H2 đã thanh toán cho Th 200.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi 06 ngày (từ ngày 15/5/2024 đến ngày 20/5/2024) = 25.200.000đồng; còn nợ gốc 400.000.000đồng.

- **Lần 9:** Ngày 16/5/2024, Th cho chị H2 vay 70.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 07 ngày (từ ngày 16/5/2024 đến ngày 22/5/2024) = 3.430.000đồng, chưa thanh toán tiền gốc.

- **Lần 10:** Ngày 20/5/2024, Th cho chị H2 vay 50.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 03 ngày (từ ngày 20/5/2024 đến ngày 22/5/2024) = 1.050.000đồng, chưa thanh toán tiền gốc.

Ngày 22/5/2024, chị H2 trả cho Th 500.000.000đồng gồm 487.120.000đồng tiền gốc và 12.880.000đồng tiền lãi của các khoản vay lần thứ 8,9,10 đến ngày 22/5/2024, còn nợ gốc 32.880.000đồng.

- **Lần 11:** Ngày 22/5/2024, Th cho chị H2 vay 750.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Do Chị H2 còn nợ 32.880.000đồng của khoản vay trước nên Th chuyển cho chị H2 717.000.000đồng. Ngày 29/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th 250.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi 08 ngày (từ ngày 22/5/2024 đến ngày 29/5/2024) = 42.000.000đồng; còn nợ gốc 500.000.000đồng. Ngày 03/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th 500.000.000đồng tiền gốc còn lại và tiền lãi 06 ngày (từ ngày 29/5/2024 đến ngày 03/6/2024) = 21.000.000đồng

- **Lần 12:** Ngày 25/5/2024, Th cho chị H2 vay 30.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 27/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 03 ngày = 630.000đồng.

- **Lần 13:** Ngày 27/5/2024, Th cho chị H2 vay 5.000.000đồng, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 28/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 02 ngày = 100.000đồng.

- **Lần 14:** Ngày 28/5/2024, Th cho chị H2 vay 80.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 560.000đồng.

- **Lần 15:** Ngày 28/5/2024, Th cho chị H2 vay 120.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 30/5/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 03 ngày = 2.520.000đồng.

- **Lần 16:** Ngày 31/5/2024, Th cho chị H2 vay 80.000.000đồng, lãi suất 7.500đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 600.000đồng.

- **Lần 17:** Ngày 31/5/2024, Th cho chị H2 vay 60.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 01/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th 50.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi 02 ngày = 840.000đồng; còn nợ gốc 10.000.000đồng. Ngày 02/6/2024, chị H2 thanh toán cho Th 10.000.000đồng tiền gốc còn lại và tiền lãi 02 ngày của 10.000.000đồng = 150.000đồng (dư 10.000đồng).

- **Lần 18:** Ngày 02/6/2024, Th cho chị H2 vay 60.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 03/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 02 ngày = 840.000đồng.

- **Lần 19:** Ngày 03/6/2024, Th cho chị H2 vay 44.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 05/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 03 ngày = 925.000đồng (dư 1.000đồng).

- **Lần 20:** Ngày 05/6/2024, Th cho chị H2 vay 74.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 07/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 03 ngày = 1.555.000đồng (dư 1.000đồng).

- **Lần 21:** Ngày 07/6/2024, Th cho chị H2 vay 108.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 756.000đồng.

- **Lần 22:** Ngày 08/6/2024, Th cho chị H2 vay 100.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 10/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 03 ngày = 2.100.000đồng.

- **Lần 23:** Ngày 10/6/2024, Th cho chị H2 vay 380.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 12/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 03 ngày = 7.980.000đồng.

- **Lần 24:** Ngày 12/6/2024, Th cho chị H2 vay 7.000.000đồng. Ngày 13/6/2024, Th cho chị H2 vay thêm 230.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 13/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 1.700.000đồng (dư 41.000đồng).

- **Lần 25:** Ngày 26/6/2024, Th cho chị H2 vay 470.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 3.300.000đồng (dư 10.000đồng).

- **Lần 26:** Ngày 26/6/2024, Th cho chị H2 vay 480.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 27/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 02 ngày = 6.720.000đồng.

- **Lần 27:** Ngày 05/7/2024, Th cho chị H2 vay 110.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 06/7/2024, Th cho chị H2 vay thêm 200.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 08/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và 7.280.000đồng tiền lãi (gồm tiền lãi 04 ngày của khoản 110.000.000đồng và tiền lãi 03 ngày của khoản 200.000.000đồng).

- **Lần 28:** Ngày 06/7/2024, Th cho chị H2 vay 50.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 400.000đồng (dư 50.000đồng).

- **Lần 29:** Ngày 08/7/2024, Th cho chị H2 vay 20.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày, Cùng ngày, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 140.000đồng.

- **Lần 30:** Ngày 09/7/2024, Th cho chị H2 vay 80.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 10/7/2024, Chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 02 ngày = 1.120.000đồng.

- **Lần 31:** Ngày 08/7/2024, Th cho chị H2 vay 330.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 11/7/2024, Th cho chị H2 vay thêm 200.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 12/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và 10.450.000đồng tiền lãi (gồm tiền lãi 04

ngày của khoản 330.000.000đồng và tiền lãi 01 ngày của khoản 200.000.000đồng, dư 10.000đồng).

- **Lần 32:** Ngày 12/7/2024, Th cho chị H2 vay 500.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 15/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 01 ngày = 12.000.000đồng .

- **Lần 33:** Ngày 29/5/2024, Th cho chị H2 vay 450.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 03/6/2024, Th cho chị H2 vay thêm 550.000.000đồng, tính gộp cùng 450.000.000đồng nợ gốc của khoản vay này, Th yêu cầu chị H2 viết 01 giấy vay tiền của Th với số tiền vay là 1.000.000.000đồng và ghi lãi suất 1,5%/tháng, hạn ngày 10/6/2024 sẽ trả tiền (thực tế lãi suất vẫn là 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày). Đến ngày 13/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và 81.900.000đồng tiền lãi (gồm tiền lãi 06 ngày của khoản vay 450.000.000đồng và tiền lãi 09 ngày của khoản vay 1.000.000.000đồng), còn nợ lãi 01 ngày của khoản vay 1.000.000.000đồng.

- **Lần 34:** Ngày 13/6/2024, Th cho chị H2 vay 1.000.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 20/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 09 ngày (gồm nợ lãi 01 ngày của kì trước và tiền lãi kì này từ ngày 13/6/2024 đến ngày 20/6/2024) = 63.000.000đồng, còn nợ gốc 1.000.000.000đồng.

- **Lần 35:** Ngày 12/6/2024, Th cho chị H2 vay 350.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 20/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 09 ngày (từ ngày 12/6/2024 đến ngày 20/6/2024) = 22.050.000đồng, còn nợ gốc 350.000.000đồng.

- **Lần 36:** Ngày 13/6/2024, Th cho chị H2 vay 100.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 21/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 09 ngày (từ ngày 13/6/2024 đến ngày 21/6/2024) = 6.300.000đồng, còn nợ gốc 100.000.000đồng.

- **Lần 37:** Ngày 14/6/2024, Th cho chị H2 vay 5.000.000đồng. Ngày 15/6/2024, Th cho chị H2 vay thêm 50.000.000đồng, hai bên thống nhất gộp khoản vay này là 55.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày, tính từ ngày 15/6/2024. Đến ngày 20/6/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 06 ngày (từ ngày 15/6/2024 đến ngày 20/6/2024) = 2.300.000đồng (thiếu 10.000đồng), còn nợ gốc 55.000.000đồng.

Đến ngày 21/6/2024, tổng số tiền gốc chị H2 nợ của Th là 1.505.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngày 24/6/2024, chị H2 thanh toán cho Th 5.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi 03 ngày (từ ngày 21/6/2024 đến ngày 23/6/2024) = 31.600.000đồng (thiếu 5.000đồng). Tính từ ngày 25/6/2024, chị H2 nợ Th 1.500.000.000đồng tiền gốc. Đến ngày 06/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 13 ngày (từ ngày 23/6/2024 đến ngày 05/7/2024) = 136.660.000đồng (dư 160.000đồng), còn nợ gốc 1.500.000.000đồng.

- **Lần 38:** Ngày 27/6/2024, Th cho chị H2 vay 320.000.000đồng. Ngày 28/6/2024, Th cho chị H2 vay thêm 780.000.000đồng. Lãi suất các khoản vay này đều

là 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 06/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th 20.160.000đồng tiền lãi 09 ngày (từ ngày 27/6/2024 đến ngày 05/7/2024) của khoản vay 320.000.000đồng và 43.680.000đồng tiền lãi 08 ngày (từ ngày 28/6/2024 đến ngày 05/7/2024) của khoản vay 780.000.000đồng. Ngày 04, 05 và 06/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th 600.000.000đồng tiền gốc của hai khoản vay này, còn nợ gốc 500.000.000đồng.

Đến ngày 06/7/2024, tổng số tiền gốc chị H2 nợ Th là 2.000.000.000đồng, lãi suất 7.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 10/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 05 ngày (từ ngày 06/7/2024 đến ngày 10/7/2024) = 70.000.000đồng.

Từ ngày 11/7/2024, Th và chị H2 thỏa thuận điều chỉnh lãi suất của khoản vay gốc 2.000.000.000đồng trên là 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Đến ngày 19/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 09 ngày (từ ngày 11/7/2024 đến ngày 19/7/2024) = 108.000.000đồng, còn nợ gốc 2.000.000.000đồng.

- **Lần 39:** Ngày 12/7/2024, Th cho chị H2 vay 75.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 15/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 01 ngày = 500.000đồng và 3.000.000đồng tiền gốc, còn nợ gốc 72.000.000đồng.

Tính đến ngày 19/7/2024, tổng số nợ gốc chị H2 còn vay của Th là 2.072.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

- **Lần 40:** Ngày 18/7/2024, Th cho chị H2 vay 50.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

- **Lần 41:** Ngày 20/7/2024, theo thỏa thuận giữa chị H2, Th và C thì C sẽ chuyển khoản nợ 500.000.000đồng của chị H2 nợ C sang Th. Như vậy, từ ngày 20/7/2024, chị H2 nợ thêm của Th 500.000.000đồng.

- **Lần 42:** Ngày 22/7/2024 Th cho chị H2 vay 50.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Tính đến ngày 22/7/2024, tổng số tiền gốc chị H2 nợ Th là 2.672.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày; tổng số tiền lãi chị H2 nợ Th là 50.256.000đồng (gồm tiền lãi 03 ngày của khoản vay 2.000.000.000đồng; tiền lãi 03 ngày của khoản vay 500.000.000đồng; tiền lãi 08 ngày của khoản vay 72.000.000đồng; tiền lãi 05 ngày của khoản vay 50.000.000đồng và tiền lãi 01 ngày của khoản vay 50.000.000đồng).

Ngày 22/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th 52.250.000đồng tiền lãi (thiếu 6.000đồng) và 82.000.000đồng tiền gốc, còn nợ gốc 2.590.000.000đồng.

Như vậy, từ ngày 23/7/2024, tổng số tiền gốc chị H2 nợ Th là 2.590.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Đến ngày 04/8/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th tiền lãi 12 ngày (từ ngày 23/7/2024 đến ngày 03/8/2024) = 186.480.000đồng, còn nợ gốc 2.590.000.000đồng.

- **Lần 43:** Ngày 30/7/2024, Th cho chị H2 vay 250.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 31/7/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 02 ngày = 3.000.000đồng.

- **Lần 44:** Ngày 30/7/2024, Th cho chị H2 vay 270.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Như vậy, từ ngày 31/7/2024, tổng số tiền gốc chị H2 nợ Th là 2.860.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Trong đó, khoản 2.590.000.000đồng đã trả lãi hết ngày 03/8/2024 và khoản 270.000.000đồng chưa trả lãi.

Ngày 08/8/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th 36.000.000đồng tiền lãi. Như vậy, từ ngày 08/8/2024, chị H2 còn nợ Th 2.860.000.000đồng tiền gốc và 56.280.000đồng tiền lãi.

Do chị H2 không trả được thêm khoản tiền lãi và tiền gốc nào nên ngày 15/8/2024, Th yêu cầu chị H2 viết 01 giấy vay tiền với nội dung vay 3.000.000.000đồng bằng tiền mặt, lãi suất 1,5%/năm và hẹn các mốc thời gian trả tiền. Tuy nhiên, khoản nợ gốc thực tế chị H2 còn nợ Th là 2.860.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Từ ngày 08/8/2024 đến ngày 29/8/2024, chị H2 phải trả cho Th tổng tiền lãi là 377.520.000đồng và 56.280.000đồng tiền lãi chị H2 còn nợ Th, tổng là 433.800.000đồng. Trong thời gian này, Th, C và chị H2 thỏa thuận với nhau về việc chuyển số tiền nợ lãi 250.000.000đồng do chị H2 nợ Th sang thành khoản chị H2 nợ C. Như vậy, từ ngày 29/8/2024, chị H2 còn nợ Th 2.860.000.000đồng tiền gốc và 183.300.000đồng tiền lãi.

Ngày 29/8/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th 149.100.000đồng tiền lãi, còn nợ 2.860.000.000đồng tiền gốc và 34.700.000đồng tiền lãi.

- **Lần 45:** Ngày 27/8/2024, Th cho chị H2 vay 50.000.000đồng, lãi suất 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ngày 29/8/2024, chị H2 đã thanh toán cho Th toàn bộ tiền gốc và tiền lãi 03 ngày = 900.000đồng.

Do sau ngày 29/8/2024, chị H2 không thanh toán cho Th thêm khoản tiền nợ gốc, lãi nào nữa nên Th không tiếp tục tính với lãi với chị H2 để tập trung đòi nợ gốc, lãi trước đó.

Như vậy, tổng số tiền Th cho chị H2 vay là 13.338.000.000đồng, lãi suất từ 6.000đồng đến 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng với 219% đến 365%/năm. Số tiền lãi Th đã thu của chị H2 là 1.495.437.000đồng, số tiền lãi chị H2 còn nợ Th là 34.700.000đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 128.098.630đồng; số tiền Th thu lợi bất chính là 1.402.038.370đồng. Hiện chị H2 còn nợ Th 2.860.000.000đồng tiền gốc vay.

Quá trình điều tra, Lê Minh C, Bùi Minh Th, Đỗ Văn L, Lê Hồng Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng như nêu trên.

* Tại cáo trạng số: 204/CT – VKSVY ngày 22/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố các bị cáo Lê Minh C, Đỗ Văn L, Bùi Minh Th và

Lê Hồng Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lê Minh C, Đỗ Văn L, Bùi Minh Th, Lê Hồng Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lê Minh C từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo C số tiền từ 90.000.000đồng đến 100.000.000đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Minh C cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tam Sơn, huyện SL, tỉnh VP giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn L từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo L số tiền từ 90.000.000đồng đến 100.000.000đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Đỗ Văn L cho Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VT, tỉnh VP giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Bùi Minh Th từ 02

(Hai) năm 09 (Chín) tháng đến 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Th số tiền từ 90.000.000đồng đến 100.000.000đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Bùi Minh Th cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Lê Hồng Q từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo Q số tiền từ 70.000.000đồng đến 80.000.000đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Hồng Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tam Sơn, huyện SL, tỉnh VP giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu xám của Lê Minh C; 01 điện thoại Iphone 12 Promax, màu xanh của Đỗ Văn L; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xám; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung note 20 Ultra, màu đen, của Bùi Minh Th.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Minh Th 01 Căn cước công dân mang tên Bùi Minh Th.

- Truy thu của Lê Minh C và Đỗ Văn L số tiền là 300.000.000đồng + 34.751.096đồng = 334.751.096 đồng (xác nhận ngày 14/5/2025 L và C đã nộp số tiền 50.000.000đồng được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003048 ngày 14/5/2025). L và C còn phải truy thu số tiền là 284.751.096đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của chị Bạch Thị Thu H2 tổng số tiền là 2.860.000.000đồng tiền gốc chị H2 chưa trả cho bị cáo Th + 930.000.000đồng tiền gốc chị H2 chưa trả cho bị cáo L và C = 3.790.000.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của anh H3 số tiền 20.000.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu để sung Ngân sách Nhà nước của Lê Hồng Q số tiền 22.958.904đồng, (Xác nhận bị cáo Q đã nộp đủ số tiền trên tại biên lai thu tiền số: 0003031 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).

- Truy thu của Bùi Minh Th số tiền 128.098.630đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc Bùi Minh Th trả cho chị Bạch Thị Thu H2 số tiền 1.367.338.370đồng.

- Buộc Lê Hồng Q phải trả cho chị Bạch Thị Thu H2 số tiền 144.641.096đồng.

- Buộc Lê Minh C và Đỗ Văn L phải trả cho chị Bạch Thị Thu H2 số tiền 769.656.404đồng + 1.000.000đồng = 770.656.404đồng và trả cho anh Nguyễn Văn H3 số tiền 4.331.057đồng.

Tất cả vật chứng và số tiền nêu trên đều có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng và các biên lai thu tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bổ sung gì khác và không có ý kiến tham gia tranh luận.

Các bị cáo Bùi Minh Th, Lê Minh C, Đỗ Văn L và Lê Hồng Q nói lời sau cùng: Các bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Các bị cáo rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo được ở nhà, tự rèn luyện bản thân trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định rằng:

Trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 9/2024, Lê Minh C và Đỗ Văn L đã có hành vi sử dụng khoản tiền gốc là 1.270.000.000đồng rồi quay vòng cho chị Bạch Thị Thu H2 và anh Nguyễn Văn H3 vay nhiều lần với lãi suất cao. Cụ thể như sau:

- Từ ngày 26/4/2024 đến ngày 03/9/2024, C và L cho chị H2 vay tiền 22 lần với tổng số tiền vay là 7.483.000.000đồng, lãi suất từ 6.000đồng đến 13.333đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 219% đến 486,6%/năm. Số tiền lãi C, L đã thu của chị H2 là 972.007.500đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 57.710.000đồng; số tiền C, L thu lợi bất chính là 914.297.500đồng. Trong đó, có 07 lần C, L thu lợi bất chính trên 30.000.000đồng. Hiện chị H2 còn nợ C, L 930.000.000đồng tiền gốc vay.

- Từ ngày 12/7/2024 đến ngày 03/9/2024, C và L cho anh H3 vay tiền 01 lần, số tiền vay là 20.000.000đồng, lãi suất 4.100đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 149,65%/năm. Số tiền lãi C, L đã thu của anh H3 là 5.000.000đồng; trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 668.493đồng; số tiền C, L thu lợi bất chính là 4.331.507đồng. Hiện anh H3 còn nợ C, L 20.000.000đồng tiền gốc vay.

Ngoài ra, C còn giới thiệu để Bùi Minh Th cho chị H2 vay tiền 02 lần với lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, tổng số tiền cho vay là 1.400.000.000đồng, L và C đã hỗ trợ Th thu tiền lãi của 02 khoản vay này là 41.000.000đồng, giúp Th thu lợi bất chính 40.232.876đồng. Đồng thời, C, L còn được hưởng 1.000.000đồng tiền công từ chị H2 do giới thiệu đến vay tiền của Th.

Để có thêm nguồn tiền cho vay, C và L còn huy động vốn từ Lê Hồng Q với lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 146%/năm. Từ ngày 24/6/2024 đến ngày 26/8/2024, Q đã 03 lần chuyển cho C, L tổng số tiền là 500.000.000đồng, thu được 167.600.000đồng tiền lãi; trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 22.958.904đồng; số tiền Q thu lợi bất chính là 144.641.096đồng. Trong đó, cả 03 lần đều có số tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000đồng. Hiện L, C chưa trả tiền gốc cho Q là 500.000.000đồng.

Đối với Bùi Minh Th, từ ngày 26/4/2024 đến ngày 03/9/2024, Th đã cho chị H2 vay tiền 45 lần với tổng số tiền vay là 13.338.000.000đồng, lãi suất từ 6.000đồng đến 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất từ

219% đến 365%/năm. Số tiền lãi Th đã thu của chị H2 là 1.495.437.000đồng, số tiền lãi chị H2 còn nợ Th là 34.700.000đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 128.098.630đồng; số tiền Th thu lợi bất chính là 1.402.038.370đồng. Trong đó, có 09 lần có số tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000đồng. Hiện chị H2 còn nợ Th 2.860.000.000đồng tiền gốc vay.

[3] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Các bị cáo đã lợi dụng nhu cầu của người dân cần vay tiền, nhằm phục vụ nhu cầu cấp thiết của đời sống và họ thiếu hiểu biết các quy định của pháp luật trong giao dịch dân sự để đưa ra mức lãi suất từ 4.100đồng đến 13.333đồng/1.000.000đồng/1 ngày để người dân lầm tưởng về mức lãi suất thấp và khó có thể xác định chính xác mức lãi suất mà bị cáo áp đặt nếu không có kiến thức về lãi suất tín dụng. Trong các trường hợp vay đều có mức lãi suất từ 149,65%/năm đến 486,6%/năm diễn ra liên tục trong một khoảng thời gian dài.

Đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Lê Minh C, Đỗ Văn L, Bùi Minh Th và Lê Hồng Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[4] Xét tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Minh C, Đỗ Văn L, Bùi Minh Th và Lê Hồng Q đều nhiều lần thực hiện hành vi cho vay với lãi suất cao, trong đó có 02 lần trở lên thu lợi bất chính trên 30.000.000đồng. Vì vậy, các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tính chất, mức độ, vai trò và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc câu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, cần đánh giá vai trò vị trí, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

+ Bị cáo Lê Minh C tham gia phạm tội với vai trò chính, là người khởi xướng việc cho vay lãi nặng và trực tiếp bỏ tiền gốc cho vay. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; hiện tại bị cáo đang mang thai ở tháng thứ 2; bị cáo có bố là ông Lê Thọ là thương binh loại A, hạng 4/4; được chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tặng huy hiệu vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Vĩnh Phúc ngày 12/12/2023;

trước khi xét xử vợ chồng bị cáo tự nguyện nộp một phần số tiền truy thu sung Ngân sách Nhà nước (được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003048 ngày 14/5/2025) nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Đỗ Văn L tham gia phạm tội với vai trò là đồng phạm tích cực trong vụ án, trực tiếp giúp sức cho bị cáo C trong hoạt động cho vay lãi nặng và trực tiếp là người cho vay. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo L thành khẩn khai báo; bị cáo đã từng tham gia Q ngũ từ năm 2009 đến năm 2011 xuất ngũ, trước khi xét xử bị cáo tự nguyện nộp một phần số tiền truy thu sung Ngân sách Nhà nước (được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003048 ngày 14/5/2025) nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Bùi Minh Th tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm tích cực và trực tiếp bỏ tiền gốc cho vay. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có ông nội là cụ Bùi Huy Triệu được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba, có bố là ông Bùi Minh Thảo từng tham gia phục vụ trong Q ngũ từ tháng 12/1980 xuất ngũ ngày 31/01/1984 và quá trình công tác tại UBND xã Tề Lỗ nhiều lần được Chủ tịch UBND huyện Yên Lạc và Chủ tịch UBND xã Tề Lỗ tặng giấy khen; bản thân Th trong thời gian công tác tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc có nhiều thành tích xuất sắc trong phòng trào thi đua yêu nước và được chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TL, huyện YL tặng giấy khen nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Lê Hồng Q tham gia phạm tội với vai trò là đồng phạm trong vụ án, trực tiếp giúp sức cho bị cáo trong hoạt động cho vay lãi nặng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Q thành khẩn khai báo; bị cáo có ông nội là ông Lê Văn Huân có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất; trước khi xét xử bị cáo tự nguyện nộp một phần số tiền truy thu sung Ngân sách Nhà nước (được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003031 ngày 31/3/2025) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của bộ luật hình sự.

Do các bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng được khoan hồng, bị cáo có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của

đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về biện pháp tư pháp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”*

Giao dịch cho vay của bị cáo C và các đồng phạm với người vay với lãi suất gấp hơn 5 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là giao dịch trái pháp luật nên toàn bộ số tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền lãi trong hạn là thu lời bất chính buộc các bị cáo truy thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền lãi quá quy định buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay.

- *Xử lý đối với khoản tiền gốc người vay đã trả và khoản tiền gốc người vay chưa trả cho các bị cáo:*

+ Truy thu của C và L số tiền 300.000.000đồng; Truy thu của chị H2 số tiền 930.000.000đồng (tiền gốc chị H2 chưa trả cho bị cáo L và C), truy thu của anh H3 số tiền 20.000.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước (là tiền gốc chị H2 và anh H3 chưa trả cho bị cáo C và L).

+ Truy thu của chị H2 số tiền 2.860.000.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước (là tiền gốc chị H2 chưa trả cho bị cáo Th).

+ Truy thu của Th số tiền 128.098.630đồng; truy thu của C và L số tiền 34.751.096đồng để sung Ngân sách Nhà nước; truy thu để sung Ngân sách Nhà nước của Q số tiền 22.958.904đồng, (Xác nhận bị cáo Q đã nộp đủ số tiền trên được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003031 ngày 31/3/2025).

Tổng số tiền truy thu của L và C là 300.000.000đồng + 34.751.096đồng = 334.751.096 đồng (Ngày 14/5/2025 L và C đã nộp số tiền 50.000.000đồng được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003048 ngày 14/5/2025). L và C còn phải truy thu số tiền là 284.751.096 đồng.

Tổng số tiền truy thu của chị H2 là: 2.860.000.000đồng tiền gốc chị H2 chưa trả cho bị cáo Th + 930.000.000đồng tiền gốc chị H2 chưa trả cho bị cáo L và C = 3.790.000.000 đồng.

- *Buộc các bị cáo phải trả lại cho những người vay tương ứng với số tiền các bị cáo đã thu của mỗi người. Cụ thể:*

+ Buộc Th trả cho chị H2 số tiền số tiền 1.367.338.370đồng.

+ Buộc Q phải trả cho chị H2 số tiền 144.641.096đồng.

+ Buộc C và L phải trả cho chị H2 số tiền 769.656.404đồng và trả cho anh H3 số tiền 4.331.057đồng .

+ Đối với số tiền 1.000.000đồng công môi giới C, L nhận từ chị H2 cũng là tiền các bị cáo thu lợi bất chính, buộc C, L phải trả lại cho chị H2.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 Giấy vay tiền đề ngày 12/7/2024 tên người vay Nguyễn Văn H3; 01 Hợp đồng mua bán xe máy – ô tô – mô tô được soạn sẵn, ký bên A tên Bạch Thị Thu H2; 01 giấy thuê xe ô tô 05 chỗ đề ngày 26/4/2024, chữ ký bên thuê xe Bạch Thị Thu H2; 01 cuốn sổ ngoài bìa kí hiệu Notebook busines; 01 giấy vay tiền người vay Bạch Thị Thu H2; quá trình điều tra xác định là các tài liệu liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của C, L và Th, được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu xám tạm giữ của Lê Minh C; 01 điện thoại Iphone 12 Promax, màu xanh, tạm giữ của Đỗ Văn L; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xám, tạm giữ của Lê Hồng Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung note 20 Ultra, màu đen, tạm giữ của Bùi Minh Th. Quá trình điều tra xác định là công cụ các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 Căn cước công dân mang tên Bùi Minh Th là giấy tờ tùy thân của Th, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho Th.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*”. Do vậy, cần phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Minh C, Bùi Minh Th; Đỗ Văn L mỗi bị cáo phải số tiền 90.000.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo Lê Hồng Q số tiền 70.000.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[8] Đối với anh Nguyễn Văn Ngọc là người sử dụng số tài khoản 261199999999 và chị Nguyễn Lê Na là người sử dụng số tài khoản 21620112006 cùng tại Ngân hàng MB, đã nhận chuyển khoản từ chị H2 thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của C (trong đó anh Ngọc nhận 142.000.000đồng, chị Na nhận 17.000.000đồng), quá trình điều tra xác định anh Ngọc và chị Na được C nhờ nhận chuyển khoản hộ, không biết và không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của C và L. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Bùi Minh Th, Lê Minh C, Đỗ Văn L và Lê Hồng Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh C, Đỗ Văn L, Bùi Minh Th và Lê Hồng Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lê Minh C 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo C số tiền 90.000.000đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Minh C cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tam Sơn, huyện SL, tỉnh VP giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn L 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo L số tiền 90.000.000đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Đỗ Văn L cho Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VT, tỉnh VP giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Bùi Minh Th 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Th số tiền 90.000.000đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Bùi Minh Th cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng Q 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (Bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo Q số tiền 70.000.000đồng sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Hồng Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tam Sơn, huyện SL, tỉnh VP giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu xám của Lê Minh C; 01 điện thoại Iphone 12 Promax, màu xanh của Đỗ Văn L; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xám; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung note 20 Ultra, màu đen, của Bùi Minh Th.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Minh Th 01 Căn cước công dân mang tên Bùi Minh Th.

- Truy thu của Lê Minh C và Đỗ Văn L tổng số tiền là 300.000.000đồng + 34.751.096đồng = 334.751.096 đồng (xác nhận ngày 14/5/2025 L và C đã nộp số tiền 50.000.000đồng được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003048 ngày 14/5/2025). L và C còn phải truy thu số tiền là 284.751.096 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của chị Bạch Thị Thu H2 tổng số tiền là 2.860.000.000đồng tiền gốc chị H2 chưa trả cho bị cáo Th + 930.000.000đồng tiền gốc chị H2 chưa trả cho bị cáo L và C = 3.790.000.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của anh Nguyễn Văn H3 số tiền 20.000.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu để sung Ngân sách Nhà nước của Lê Hồng Q số tiền 22.958.904đồng, (Xác nhận bị cáo Q đã nộp đủ số tiền trên tại biên lai thu tiền số:

0003031 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).

- Truy thu của bị cáo Bùi Minh Th số tiền 128.098.630đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc Bùi Minh Th trả cho chị Bạch Thị Thu H2 số tiền 1.367.338.370đồng.

- Buộc Lê Hồng Q phải trả cho chị Bạch Thị Thu H2 số tiền 144.641.096đồng.

- Buộc Lê Minh C và Đỗ Văn L phải trả cho chị Bạch Thị Thu H2 số tiền 769.656.404đồng + 1.000.000đồng = 770.656.404đồng và trả cho anh Nguyễn Văn H3 số tiền 4.331.057đồng.

Tất cả vật chứng và số tiền nêu trên đều có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 27/02/2025 và các biên lai thu tiền số: 0003031 ngày 31/3/2025 và biên lai thu tiền số: 0003048 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Minh C, Đỗ Văn L, Bùi Minh Th và Lê Hồng Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hằng

Vũ Thị Kim Dung

Nguyễn Thị Trang Nhung